| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 118/2025/KDTM-ST.

Ngày: 21-07-2025.

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Vũ Thị Thúy Vân.

*Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Văn Hoàng,

2/ Bà Nguyễn Thị Phương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các ngày 11 và 21 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 233/2025/TLST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2025/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2025/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần Hóa chất A**,

Mã số doanh nghiệp: xxxxxxx352.

Trụ sở: Lô xxx Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường 4, xã Bình Lợi (trước là: xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh), Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp*: Ông Nguyễn Tiến Đ, CCCD số: xxxxxxxxx166, và ông Nguyễn Hữu L, CCCD số: xxxxxxxxx368, cùng địa chỉ: Lô XX Đường số 7, Khu thương mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận (trước là: phường Tân Thuận Đông, Quận 7), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 062/ACC-UQ/2024 ngày 05/12/2024).

*2. Bị đơn* **Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T**,

Mã số doanh nghiệp: xxxxxxx013.

Trụ sở: Phòng AA Tầng 8 Toà nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây (trước là: Phường 25, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà NTL, sinh năm 1975, hộ chiếu số: Nxxxx389 cấp ngày 15/09/2020 tại Sydney, chức vụ: Giám đốc.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty Cổ phần Hoá chất A có đại diện là ông Nguyễn Tiến Đ, ông Nguyễn Hữu L trình bày:*

Nguyên đơn Công ty Cổ phần Hóa chất A-bên bán (Sau đây gọi là: Công ty A) và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T-bên mua (sau đây gọi là: Công ty T) ký kết Hợp đồng HCM24.337/HDNT/ACC-10-0194600 ngày 15/12/2023 mua bán sữa bột nguyên kem, sữa bột béo tan nhanh…, giá bán hàng hóa tùy thuộc vào từng đơn đặt hàng và từng thời điểm.

Công ty A đã giao tổng cộng 08 lần với tổng giá trị 865.566.000 đồng. Ngày 22/03/2024, Công ty T đã thanh toán một lần là 572.886.000 đồng. Số tiền còn lại 292.680.000 đồng chưa thanh toán mặc dù Công ty A đã yêu cầu Công ty T thanh toán nhiều lần.

Công ty A khởi kiện Công ty T yêu cầu thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 292.680.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận (tạm tính, lãi suất là 5%/năm) từ ngày đến hạn cho đến khi thanh toán xong (tạm tính đến ngày 15/5/2025, tiền lãi là 12.175.447 đồng).

** Bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T:*

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09/5/2025 và 15/5/2025, nhưng Công ty T không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn Công ty T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu L, đại diện Công ty A, giữ nguyên khởi kiện Công ty T yêu cầu thanh toán tiền hàng còn thiếu được xuất theo Hoá đơn số 29774 ngày 17/7/2024 và số 28074 ngày 05/7/2024 tổng cộng là 292.680.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền hàng còn thiếu kể từ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng (đề nghị áp dụng

lãi suất 5%/năm từ ngày chậm thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/07/2025, tạm tính tiền lãi chậm thanh toán là 14.821.595 đồng, tổng cộng là 307.501.595 đồng).

**[1]** Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét Công ty A khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá đối với Công ty T, trụ sở: Phòng AA Tầng 8 Toà nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây (trước là: Phường 25, quận Bình Thạnh), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025, tranh chấp về kinh doanh, thương mại này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**[2]** Về thủ tục tố tụng:

Xét bà NTL, là người đại diện theo pháp luật của Công ty T, mã số doanh nghiệp: xxxxxxx013, nhân danh Công ty T giao kết, thực hiện hợp đồng mua bán với Công ty A nên căn cứ Điều 79 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng gắn kết với địa chỉ trụ sở của pháp nhân được ghi nhận tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh-Phòng Đăng ký kinh doanh (trước là: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho Công ty T. Vì vậy, không cần tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của cá nhân người đại diện theo pháp luật của Công ty T, bởi lẽ khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự quy định: *Cá nhân, là một bên trong quan hệ dân sự, phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú của mình trong trường hợp nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ.* Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa có ghi rõ ngày đưa vụ án ra xét xử lần hai đến địa chỉ trụ sở chính của Công ty T để Công ty T thực hiện quyền tranh tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của Công ty T vắng mặt tại phiên tòa được triệu tập lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Công ty T.

**[3]** Về khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền thiếu của hợp đồng và yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán:

Công ty A – bên bán và Công ty T – bên mua ký Hợp đồng nguyên tắc số HCM 24.337/HĐNT/ACC-10-01946-00 ngày 15/12/2023 thoả thuận mua bán nguyên liệu thực phẩm bột sữa và các sản phẩm khác, đơn giá thể hiện trong từng

bảng chào giá-đơn đặt hàng, thời gian và địa điểm giao nhận hàng hoá, bên mua có trách nhiệm thanh toán trong vòng 07 ngày từ khi nhận được hàng và hoá đơn giá trị gia tăng; nếu thanh toán không đúng thời hạn thì bên mua phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất trả chậm bằng 150% x lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam tại thời điểm tính lãi và các nghĩa vụ khác của hai bên. Xét hình thức, chủ thể và nội dung của Hợp đồng nguyên tắc số HCM 24.337/HĐNT/ACC-10-01946-00 ngày 15/12/2023 phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 24, mục II chương II, Điều 306 của Luật Thương mại, nên các bên có trách nhiệm tôn trọng thực hiện các thỏa thuận tại hợp đồng này.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty A đã thực hiện giao hàng 08 lần tại kho của Công ty A cùng hóa đơn giá trị gia tăng của từng lần giao theo yêu cầu của Công ty T có giá trị là 865.566.000 đồng (Tám trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), cụ thể:

1- Ngày 29/01/2024, giao hàng 03 lần:

+ 2.300 ký sữa bột béo tan nhanh đơn giá 88.000 đồng/ký (chưa bao gồm 8% VAT), tổng giá trị hàng hóa sau thuế là: 218.592.000 đồng, hóa đơn số 00004915 ngày 29/01/2024;

+ 200 ký sữa bột béo tan nhanh đơn giá 85.500 đồng/ký (chưa bao gồm 8% VAT), tổng giá trị hàng hóa sau thuế là: 18.468.000 đồng, hóa đơn số 0004917 ngày 29/01/2024;

+ 500 ký sữa bột béo tan nhanh đơn giá 85.500 đồng/ký (chưa bao gồm 8% VAT), tổng giá trị hàng hóa sau thuế là: 46.170.000 đồng, hóa đơn số 0004918 ngày 29/01/2024.

2- Ngày 29/01/2024, giao 1.000 ký sữa bột béo tan nhanh đơn giá 85.500 đồng/ký (chưa bao gồm 8% VAT), tổng giá trị hàng hóa sau thuế là: 92.340.000 đồng, hóa đơn số 00004926 ngày 29/01/2024.

3- Ngày 26/02/2024, giao 600 ký sữa bột béo tan nhanh đơn giá 87.000 đồng/ký (chưa bao gồm 8% VAT), tổng giá trị hàng hóa sau thuế là: 56.376.000 đồng, hóa đơn số 00007927 ngày 26/02/2024.

4- Ngày 28/02/2024, giao 1.500 ký sữa bột béo tan nhanh đơn giá 87.000 đồng/ký (chưa bao gồm 8% VAT), tổng giá trị hàng hóa sau thuế là: 140.940.000 đồng, hóa đơn số 00008396 ngày 28/02/2024.

5- Ngày 05/7/2024, giao 2.000 ký sữa bột béo tan nhanh đơn giá 98.000 đồng/ký (chưa bao gồm 8% VAT), tổng giá trị hàng hóa sau thuế là: 211.680.000 đồng, hóa đơn số 00028074 ngày 05/7/2024.

6- Ngày 17/7/2024, giao 1.000 ký sữa bột béo tan nhanh đơn giá 75.000 đồng/ký (chưa bao gồm 8% VAT), tổng giá trị hàng hóa sau thuế là: 81.000.000 đồng, hóa đơn 00029774 ngày 17/7/2024.

Xét thấy giá trị hàng hóa được giao theo các hóa đơn số 4915, 4917, 4918, 4926 ngày 29/01/2024, 7927 ngày 26/02/2024, số 8396 ngày 28/02/2024 là (218.592.000 đồng + 18.468.000 đồng + 46.170.000 đồng + 92.340.000 đồng + 56.376.000 đồng + 140.940.000 đồng = 572.886.000 đồng) tương ứng với số tiền mà Công ty T đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty A ngày 22/3/2024, nên số tiền mà Công ty T còn thiếu Công ty A là (865.566.000 đồng – 572.886.000 đồng = 292.680.000 đồng) tương ứng với giá trị hàng hóa của hai hóa đơn số 00028074 ngày 05/7/2024 và số 00029774 ngày 17/7/2024.

Tại khoản 3.3 Điều 3 Hợp đồng số HCM 24.337/HĐNT/ACC-10-01946-00, hai bên thỏa thuận Công ty T có trách nhiệm thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ khi nhận được hàng và hóa đơn giá trị gia tăng và Công ty T đã nhận hàng cùng hóa đơn giá trị gia tăng số 00028074 ngày 05/7/2024 và số 00029774 ngày 17/7/2024. Xét Công ty T đã nhận được hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng của từng lần giao hàng nhưng Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ thỏa thuận cho đơn hàng nhận ngày 05/7/2024 và ngày 17/07/2024, nên căn cứ khoản 3.4 Điều 3 Hợp đồng số HCM 24.337/HĐNT/ACC-10-01946-00, Công ty T phải trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận là (150% x lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam) kể từ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán (từ ngày 13/07/2024 cho giá trị hàng hóa ghi nhận tại hóa đơn số 00028074, và từ ngày 25/7/2024 cho giá trị hàng hóa ghi nhận tại hóa đơn số 00029774) cho đến khi thanh toán xong.

Xét lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam là 4,6%/năm và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hữu L, đại diện nguyên đơn Công ty A, đề nghị áp dụng lãi suất chậm thanh toán tiền hàng từ khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến phiên tòa sơ thẩm là 5%/năm thấp hơn so với lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng là (150% x lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP VN = 6,9%/năm) nên Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất chậm thanh toán tiền hàng từ khi vi phạm nghĩa vụ đến khi xét xử sơ thẩm mà nguyên đơn đề nghị là 5%/năm.

Tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền hàng còn thiếu được tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/7/2025), cụ thể:

1/ Đối với hàng hóa mua bán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00028074 ngày 05/7/2024, tiền lãi chậm là 211.680.000 đồng x 5%/năm : 365 ngày x 373 ngày = 10.815.978 đồng (Mười triệu tám trăm mười lăm nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng).

2/ Đối với hàng hóa mua bán theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 00029774 ngày 17/7/2024, tiền lãi chậm là 81.000.000 đồng x 5%/năm : 365 ngày x 361 ngày = 4.005.616 đồng (Bốn triệu năm nghìn sáu trăm mười sáu đồng).

Tổng cộng tiền lãi chậm thanh toán là 10.815.978 đồng + 4.005.616 đồng = 14.821.595 đồng (Mười bốn triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của Công ty A yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn thiếu của Hợp đồng nguyên tắc số HCM 24.337/HĐNT/ACC-10-01946-00 ngày 15/12/2023 tổng cộng đến ngày xét xử sơ thẩm là 307.501.595 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), trong đó tiền hàng còn thiếu là 292.680.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng), tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 14.821.595 đồng (Mười bốn triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền hàng còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại khoản 3.4 Điều 3 Hợp đồng số HCM 24.337/HĐNT/ACC-10-01946-00 ngày 15/12/2023 kể từ ngay sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong.

**[4]** Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty T phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại là 15.375.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Điều 40, Điều 79, Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 24, mục II chương II, Điều 306 của Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 27-06-2005;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Hoá chất A.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Hóa chất A số còn thiếu của Hợp đồng nguyên tắc số HCM 24.337/HĐNT/ACC-10-01946-00 ngày 15/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/07/2025) tổng cộng là 307.501.595 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), trong đó tiền hàng còn thiếu là 292.680.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 14.821.595 đồng (Mười bốn triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngay sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền hàng còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại khoản 3.4 Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số HCM 24.337/HĐNT/ACC-10-01946-00 ngày 15/12/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Hoá chất A và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T.

**2.** Án phí sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại sơ thẩm là 15.375.000 đồng (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2.2. Hoàn cho Công ty Cổ phần Hoá chất A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.160.000 đồng (Tám triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0054794 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh (trước là: Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

**4.** Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**5.** Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Vũ Thị Thúy Vân**